

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

I. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI

II. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI
TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI
THƯƠNG

I. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI

1. *Khái niệm vận tải*

2. *Đặc điểm*

3. *Phân loại*

3.1. Căn cứ vào phạm vi phục vụ

3.2. Căn cứ vào phạm vi hoạt động

3.3. Căn cứ vào môi trường hoạt động

3.4. Căn cứ vào đối tượng chuyên chở

3.5. Căn cứ vào khoảng cách chuyên chở

3.6. Căn cứ vào hành trình chuyên chở

I. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI

1. *Khái niệm vận tải*

- *Theo nghĩa rộng, VT là một quy trình kỹ thuật nhằm di chuyển vị trí của con người và vật phẩm trong không gian.*
- *Theo nghĩa hẹp (dưới góc độ kinh tế), VT là sự di chuyển vị trí của hành khách và hàng hoá trong không gian khi thoả mãn đồng thời 2 tính chất: là một hoạt động sản xuất vật chất và là một hoạt động kinh tế độc lập.*

I.KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI

2. Đặc điểm

① Là một ngành sản xuất vật chất của xã hội.

- Sức lao động: lao động của con người nhằm thực hiện việc di chuyển hàng hoá và hành khách từ địa điểm này đến địa điểm khác.
- Công cụ lao động: các phương tiện thiết bị như đầu máy, toa xe, ô tô
- Đối tượng lao động (đối tượng vận chuyển): hàng hoá hay hành khách cần thiết phải vận chuyển

I.KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI







2. Đặc điểm

② Là ngành sản xuất vật chất đặc biệt của xã hội

- *là một quá trình tác động làm thay đổi về mặt không gian của đối tượng chuyên chở*
- *không sáng tạo ra sản phẩm vật chất mới*
- *Sản phẩm vận tải không dự trữ được*
- *không dùng đến nguyên liệu*

I. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI

3. *Phân loại*

- 3.1. Căn cứ vào phạm vi phục vụ 
- 3.2. Căn cứ vào phạm vi hoạt động 
- 3.3. Căn cứ vào môi trường hoạt động 
- 3.4. Căn cứ vào đối tượng chuyên chở 
- 3.5. Căn cứ vào khoảng cách chuyên chở 
- 3.6. Căn cứ vào hành trình chuyên chở 

3. Phân loại

3.1. Căn cứ vào phạm vi phục vụ:

- *Vận tải nội bộ xí nghiệp*: việc vận chuyển trong nội bộ xí nghiệp, nhà máy, công ty... nhằm di chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm, cán bộ công nhân viên
- *Vận tải công cộng*: việc các công ty hay xí nghiệp vận tải chuyên chở vật phẩm hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ và vận chuyển con người từ địa điểm này đến địa điểm khác
 - Lực lượng VT địa phương
 - Lực lượng VT trung ương

3. Phân loại

3.2. Căn cứ vào phạm vi hoạt động

- *Vận tải nội địa*: đáp ứng nhu cầu vận chuyển nội địa
- *Vận tải quốc tế*: hoạt động vận tải mà đối tượng vận chuyển đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia
 - + *Vận tải quốc tế trực tiếp*: diễn ra giữa 2 hay nhiều nước có chung biên giới hoặc có chung vùng biển quốc tế
 - + *Vận tải quốc tế quá cảnh*: có sử dụng lãnh thổ của hai hay nhiều nước thứ ba

3. Phân loại

3.3. Căn cứ vào môi trường hoạt động

- *Vận tải đường sắt*
- *Vận tải ô tô*
- *Vận tải đường thủy*
 - vận tải đường biển
 - vận tải đường sông
 - vận tải pha sông biển
- *Vận tải hàng không*
- *Vận tải đường ống*

3. Phân loại

3.4. Căn cứ vào đối tượng chuyên chở

- *vận tải hàng hoá*
- *vận tải hành khách*
- *vận tải hàng hoá-hành khách*

3. Phân loại

3.5. Căn cứ vào khoảng cách chuyên chở

- vận tải đường gần: lớn hơn 7400 km (4000 hải lý)
- vận tải đường xa: nhỏ hơn 7400 km

1 hải lý = 1,852 km

3. Phân loại

3.6. Căn cứ vào hành trình chuyên chở:

- *Vận tải một chặng*
- *Vận tải nhiều chặng*
- *Vận tải chở suốt*
- *Vận tải đơn phương thức (Unimodal Transport)*
- *Vận tải đa phương thức (Multimodal Transport)*
- *Vận tải đứt đoạn (segmented)*
- *Vận tải hàng lẻ*
- *Vận tải hàng nguyên* ➡

II. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

1. *Mối quan hệ giữa vận tải và buôn bán quốc tế*

- *Vận tải quốc tế là hình thức chuyên chở hàng hoá hoặc hành khách giữa 2 hay nhiều nước với nhau*
- *Vận tải quốc tế là quá trình vận tải mà điểm đầu và điểm cuối nằm trên lãnh thổ của 2 nước khác nhau.*
- *Vận tải quốc tế và buôn bán quốc tế có mối quan hệ chặt chẽ, hữu cơ với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển.*

II. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

2. Tác dụng của vận tải đối với buôn bán quốc tế

- Cước phí VT ảnh hưởng đến giá hàng chào bán

$$Q = P_1 P_2 / L$$

- Vận tải quốc tế làm thay đổi cơ cấu hàng hoá và cơ cấu thị trường XNK (Nhật Bản)
- Vận tải quốc tế ảnh hưởng trực tiếp đến cán cân thanh toán của một nước.

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

1. *Khái niệm trách nhiệm vận tải*

- ***Đứng trên góc độ người chuyên chở thì trách nhiệm vận tải là trách nhiệm tổ chức chuyên chở hàng hoá từ nơi nhận hàng đến nơi giao hàng.***

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VT TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

1. *Khái niệm trách nhiệm vận tải*

Cách 1: căn cứ vào quyền vận tải hay quyền thuê tàu

- *Nhóm 1: Phần lớn trách nhiệm VT thuộc về người NK: EXW (Ex Works), FCA (Free Carrier).*

EXW: Ng XK giao hàng tại nhà máy, ng NK giành toàn bộ quyền VT

FCA: ng NK thuê phương tiện VT

- *Nhóm 2: Phần lớn trách nhiệm VT thuộc về người XK: CPT (Carriage Paid to), CIP (Carriage and Insurance Paid to), DDU (Delivered Duty Unpaid), DDP (Delivered Duty Paid)*

CPT: Ng XK thuê phương thức VT nào và tuyến đường nào cũng được

CIP: ng XK mua BH

DDU: ng XK trả phí BH vì quyền lợi của mình

DDP: ng XK trả thuế NK

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VT TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

1. *Khái niệm trách nhiệm vận tải*

Cách 1: căn cứ vào quyền VT hay quyền thuê tàu

- *c. Trách nhiệm VT được phân chia một phần thuộc về người XK, một phần thuộc về người NK: FAS (Free Alongside Ship), FOB (Free On Board), CFR (Cost and Freight), CIF (Cost, Insurance and Freight), DES (Delivered Ex Ship), DEQ (Delivered Ex Quay), DAF (Delivered At Frontier).*

FAS: ng NK dành quyền VT chính

FOB: ng XK chuyên chở hàng ra cảng và chịu chi phí bốc hàng lên tàu

CFR: giá hàng không bao gồm phí dỡ hàng

DES: điểm phân chia rủi ro cảng đến

DEQ: giá hàng gồm chi phí dỡ hàng tại cầu cảng

DAF: ng XK giao hàng tại biên giới

- **Ưu điểm:** đem lại một cái nhìn tổng quát về Incoterms 2000 dưới góc độ vận tải.
- **Nhược điểm:**
 - Rất khó áp dụng
 - thiếu chính xác

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VT TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

1. Khái niệm trách nhiệm vận tải

Cách 2: căn cứ vào chặng vận tải chính

- **Nhóm E: gồm duy nhất điều kiện EXW, ng NK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức**
- **Nhóm F: gồm các điều kiện FCA, FAS, FOB**
 - **FCA: ng NK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức**
 - **FAS: ng NK dành quyền VT chặng chính, đường biển**
 - **FOB: ng NK dành quyền VT chặng chính, đường biển**

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VT TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

1. Khái niệm trách nhiệm vận tải

- **Nhóm C: gồm các điều kiện CFR, CPT, CIP, CIF**

CFR: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

CPT: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

CIP: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

CIF: ng XK dành quyền VT chặng chính, đường biển

- **Nhóm D: gồm các điều kiện DES, DEQ, DDU, DDP, DAF**

DES: ng XK dành quyền VT chặng chính, đường biển

DEQ: ng XK dành quyền VT chặng chính, đường biển

DDU: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

DDP: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

DAF: chưa biết ai giành quyền VT, mọi phương thức

Ưu điểm:

- dễ xác định và dễ áp dụng
- chính xác

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VT TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

2. Quyền vận tải

- ***Người nào có trách nhiệm thanh toán trực tiếp toàn bộ hay một phần cước phí cho người chuyên chở và có trách nhiệm tổ chức việc chuyên chở hàng hoá trên toàn bộ hành trình hay trên chặng đường chính thì người đó giành được “quyền vận tải”.***
- ***Nếu hàng hoá XNK được chuyên chở bằng đường biển thì quyền đó gọi là “quyền thuê tàu”***

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VT TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

2. Quyền vận tải

Lưu ý:

- 6 đk hàng hoá phải chuyên chở bằng đường biển: FAS, FOB, CFR, DES, DEQ, CIF. 7 đk khác, hàng hoá được vận chuyển bằng mọi phương thức VT (VT đường biển).
- 2. Người XK dành được quyền VT khi bán hàng theo các đk CPT, CIP, DDU, DDP; dành được quyền thuê tàu khi bán hàng theo các đk CFR, CIF, DES, DEQ.
- 3. Người NK dành được quyền VT khi NK theo các đk EXW, FCA. Người NK dành được quyền thuê tàu khi NK theo các điều kiện FAS, FOB.

3. Ý nghĩa của việc giành quyền vận tải

- Chủ động tổ chức chuyên chở, đàm phán, ký kết HĐ VT
- Lựa chọn người chuyên chở, tuyến đường VT, phương thức chuyên chở có lợi cho mình nếu HĐ MB không quy định cụ thể
- Khi HĐ mua bán không quy định thời gian giao hàng cụ thể, người dành quyền vận tải có thể chủ động trong việc giao nhận và vận chuyển hàng hoá
- Tận dụng được đội tàu buôn và phương tiện VT trong nước nhằm tăng thu và giảm chi ngoại tệ

Một số trường hợp không nên dành được quyền vận tải và quyền thuê tàu.

- Trường hợp 1: khó thuê hoặc không thuê được phương tiện VT (thiếu ngoại tệ, không biết cách thuê, cước phí tăng so với t/gian kí HĐMB)
- Trường hợp 2: Sự chênh lệch giữa giá FOB và giá CFR, giá FCA và giá CPT là không có lợi
- Trường hợp 3: quá cần bán hoặc quá cần mua một loại hàng nào đó trong khi đối phương muốn dành quyền vận tải
- Trường hợp 4: do luật pháp từng nước hay phong tục tập quán của cảng